

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỤC NGẠN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 6-09-2021  
V/v: Tranh chấp ly hôn, con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN - TỈNH BẮC GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nhưường.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Chử.

2. Ông Vũ Ngọc Côn.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Hoàng Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 09 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công KH vụ án thụ lý số 131/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 04 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, con chung”.

Theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 65/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 08 năm 2021; Quyết Đ hoãn phiên tòa số 57A/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 06 năm 2021 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị **Đoàn Thị T**, sinh năm 1989. Có mặt

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương.

***- Bị đơn:*** Anh **Đặng Văn H**, sinh năm 1987. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện LN, Bắc Giang.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông **Đặng Văn H**, sinh năm 1958.

2. Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1957.

Đều trú quán: Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện LN, Bắc Giang. Vắng mặt, có

đơn xin xét xử vắng mặt

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/03/2021 và tại bản tự KH, biên bản ghi lời KH nguyên đơn chị Đoàn Thị T trình bày:*

Chị kết hôn với anh Đặng Văn H vào tháng 5 năm 2011. Trước khi kết hôn chị và anh H có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, được H bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục địa phương. Do khi kết hôn chị và anh H đang là lao động bên nước Nga nên chị và anh H có đến Cơ quan đại diện Việt Nam ở liên bang Nga làm thủ tục đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết. Sau ngày cưới chị và anh H về chung sống cùng nhau ngay. Đến tháng 7 năm 2011 chị và anh H về nước và chung sống tại gia đình anh H tại thôn T, xã M, huyện LN, Bắc Giang. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hoà thuận hạnh phúc, đến năm 2011 khi sinh con chị và anh H phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị và anh H không còn hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi nhau làm cho tình cảm rạn nứt không có hạnh phúc. Từ tháng 9/2012 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương sinh sống, chị và anh H sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị và anh H có liên lạc nỉu kéo nhưng không có kết quả. H nay anh H vẫn ở cùng bố mẹ đẻ anh H tại thôn T, xã M còn công việc cụ thể anh H làm gì ở đâu thì chị cũng không biết. Nay chị xác Đ tình cảm vợ chồng với anh H không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh H được ly hôn.

Về con chung chị và anh H có 01 con chung là Đặng Ngọc Bảo L, sinh ngày 12/11/2011. Từ khi chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống thì cháu Đặng Ngọc Bảo L ở cùng anh H từ tháng 9 năm 2012 cho đến nay, do anh H và bố mẹ đẻ anh H là ông Đặng Văn H và bà Nguyễn Thị Đ chăm sóc quản lý. Cháu Linh được anh H và ông bà nuôi dưỡng phát triển khoẻ mạnh ổn Đ. Nay ly hôn, do cháu Linh đã ở cùng anh H và ông bà Đ đã lâu, chị cũng phải đi làm nên không có điều kiện chăm sóc con nên chị đồng ý giao cháu Linh cho anh H chăm sóc nuôi dưỡng khi vợ chồng ly hôn, trong thời gian anh H không có nhà chị đồng ý giao cháu Linh cho bố mẹ đẻ của anh H là ông H bà Đ chăm sóc nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời KH ngày 12/7/2021 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn H và bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Ông bà là bố mẹ đẻ của anh Đặng Văn H, ông bà được biết H nay anh H chị T đang làm thủ tục ly hôn tại Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn. H nay anh H đi làm ăn không có mặt ở nhà. Trong quá trình giải quyết ông bà có nhận các văn bản, giấy tờ của Toà án thay cho anh H. Ông bà cũng đã thông báo nội dung các văn bản của Toà án cho anh H biết. Anh H hiện nay đi làm ăn địa chỉ ở đâu thì ông bà không biết vì anh H không nói cho ông bà biết, anh H có thường xuyên liên lạc về cho ông bà và trình bày quan điểm khi chị T xin ly hôn thì anh H đồng ý ly hôn, về con chung khi ly hôn với chị T anh H nhận nuôi con chung và không đề nghị chị T phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh, trong thời gian anh H vắng nhà thì anh đồng ý để ông bà là người nuôi dưỡng trong nom con chung thay cho anh H, về tài sản, công nợ anh H không yêu cầu Toà án giải quyết và anh đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Ông H bà Đ cũng xác Đ trong thời gian anh H không có nhà thì ông bà là người nuôi dưỡng, chăm sóc, quản lý con chung của anh H chị T là cháu Đặng Ngọc Bảo L. Nay để đảm bảo cho sự ổn Đ phát triển của cháu L thì ông bà đồng ý nhận nuôi dưỡng chăm sóc cháu L khi anh H vắng nhà.

Tại biên bản ghi lời KH ngày 12 tháng 7 năm 2021 cháu Đặng Ngọc Bảo L là con chung của chị T anh H trình bày bố mẹ ly hôn cháu không có ý kiến gì và yêu cầu gì. Khi bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng là được ở với bố cháu và ông bà nội.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đặng Văn H vắng không có lý do. Anh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp công KH chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết Đưa đưa vụ án ra xét xử và Quyết Đ hoãn phiên tòa nhưng anh H không cung cấp văn bản ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T, không tham dự phiên họp, phiên hòa giải nên Tòa án không thu thập lời khai, ý kiến của anh H được.

Tại biên bản xác minh tại thôn T và Công an xã M đều xác nhận H nay anh Đặng Văn H vẫn có hộ khẩu ở địa phương và đang ở cùng bố mẹ đẻ là ông Đặng Văn H và bà Nguyễn Thị Đ, anh H thường xuyên không có nhà nhưng đi làm ăn ở đâu thì đại phương không biết vì anh H là lao động tự do. Ngoài ở cùng anh H và con chung của anh H ra thì ông H bà Đ không ở cùng ai. Trong khi anh H không có mặt ở nhà con chung của anh H chị T do bố mẹ anh H là ông H bà Đ chăm sóc ổn Đ, cháu phát triển bình thường. Hằng ngày ông H bà Đ vẫn đều đặn đưa cháu

Đặng Ngọc Bảo L đi học, đảm bảo việc học hành, ở địa phương không có điều tiếng gì.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Đoàn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đặng Văn H và đề nghị giao con chung cho anh Đặng Văn H nuôi dưỡng, trong khi anh H không có mặt ở nhà chị đồng ý để bố mẹ đẻ anh H là ông H bà Đ nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đặng Ngọc Bảo L. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ chung, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy Đ của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực H đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng các quy Đ về quyền nghĩa vụ của mình quy Đ tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy Đ về quyền nghĩa vụ của mình quy Đ tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 104 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị T: Cho chị Đoàn Thị T được ly hôn với anh Đặng Văn H.

- Về con chung: Giao cho anh Đặng Văn H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Ngọc Bảo L, sinh ngày 12/11/2011. Trong thời gian anh H không có ở nhà thì cháu Đặng Ngọc Bảo L do ông Đặng Văn H và bà Nguyễn Thị Đ (Là ông bà nội) chăm sóc, quản lý nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Đoàn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

**NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận Đ:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Chị Đoàn Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, con chung với anh Đặng Văn H có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại thôn T, xã M, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác Đ đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[1.2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Bị đơn anh Đặng Văn H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn đã ghi đúng, đầy đủ địa chỉ của bị đơn. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh H vẫn có hộ khẩu và đang cư trú tại thôn T, xã M, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Hiện nay anh H đi làm ăn, thường đi đi, về về. Tuy nhiên anh H không cung cấp địa chỉ, nơi ở, nơi làm việc H nay, không thông báo cho chị T biết. Tại Công văn số 9821/QLXNC-P5 ngày 22/04/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an cung cấp thông tin anh Đặng Văn H, sinh ngày 10/5/1987 đã xuất cảnh ngày 03/6/2008 và nhập cảnh về nước ngày 21/8/2011. Từ ngày 21/8/2011 đến nay thì anh Đặng Văn H không có thông tin xuất cảnh.

Căn cứ quy Đ tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 3 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xác Đ đây là trường hợp cố tình giấu giếm địa chỉ. Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt anh Đặng Văn H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Văn H và bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt tại phiên toà và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt ông Đặng Văn H bà Nguyễn Thị Đ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị T và anh Đặng Văn H tự nguyện tìm hiểu và đăng kết hôn với nhau vào ngày 12 tháng 05 năm 2011 tại Cơ quan đại diện Việt Nam tại Liên bang Nga. Do vậy, xác Đ đây là hôn nhân hợp pháp. Trong

quá trình chung sống giữa vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, đến nay không ai còn quan tâm tới ai. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2012 đến nay. Nay chị T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh H. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T anh H có mâu thuẫn, đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh H là có căn cứ.

[2.2]. Về con chung: Chị T anh H có 01 con chung là cháu Đặng Ngọc Bảo L, sinh ngày 12/11/2011. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng để cho anh H là người nuôi dưỡng con chung, và đồng ý để bố mẹ anh H là ông Đặng Văn H bà Nguyễn Thị Đ nuôi dưỡng, quản lý chăm sóc con chung của anh chị trong thời gian anh H không có nhà. Ông H bà Đ trình bày anh H có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung khi ly hôn với chị T và đồng ý để ông bà chăm sóc thay anh khi anh không có nhà, ông H bà Đ đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T anh H ly thân với nhau từ năm 2012 con chung của chị T anh H là cháu Đặng Ngọc Bảo L, sinh ngày 12/11/2011 ở cùng anh H và ông bà nội là Đặng Văn H và Nguyễn Thị Đ. Anh H thường xuyên không có mặt ở nhà việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đặng Ngọc Bảo L hoàn toàn do ông H bà Đ chăm sóc, H nay cháu L phát triển khoẻ mạnh bình thường, mọi mặt trong cuộc sống đều được đảm bảo, anh H cũng có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, cháu L cũng có nguyện vọng được ở cùng anh H và ông Đặng Văn H bà Nguyễn Thị Đ. Do vậy, cần giao cháu Đặng Ngọc bảo L cho anh H nuôi dưỡng chăm sóc khi ly hôn với chị T. Tuy nhiên, H nay anh H thường xuyên vắng nhà trong thời gian anh H vắng nhà thì cần giao cháu L cho ông bà Nội của cháu là ông Đặng Văn H và bà Nguyễn Thị Đ chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự, phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 104 Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Đoàn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 104 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1.** Cho chị Đoàn Thị T được ly hôn với anh Đặng Văn H.

**2.** Về con chung: Giao cho anh Đặng Văn H nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Đặng Ngọc Bảo L, sinh ngày 12/11/2011. Trong thời gian anh H vắng nhà giao cháu Đặng Ngọc Bảo L, sinh ngày 12/11/2011 cho ông Đặng Văn H và bà Nguyễn Thị Đ (là ông bà nội cháu L) chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn chị T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản chị T thực hiện quyền này.

**3.** Về án phí: Chị Đoàn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang theo Biên lai thu số:0010255 ngày 8/4/2021 Khoản tiền này được chuyển thành án phí.

**4.** Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- UBND xã M, huyện LN, tỉnh Bắc Giang (Số 48/LS quyền số 01 ngày 12/05/2007);
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

**Đã ký**

**Nguyễn Đức Nhường**